

TÀI LIỆU DÀNH CHO HS KHÔNG HỌC TRỰC TUYẾN- MÔN LỊCH SỬ – KHỐI: 12
TỪ NGÀY 11/10 ĐẾN 23/10

TUẦN	Tiết	Bài	Nội dung
6 (Từ 11/10-16/10)	1	BÀI 7: TÂY ÂU	1. Kinh tế, khoa học kĩ thuật a. Kinh tế, khoa học kĩ thuật 1950-1973 * Kinh tế – Nhờ viện trợ Mỹ với kế hoạch Macsan đến 1950 kinh tế các nước Tây Âu phục hồi. – Từ 1950 đến đầu những năm 70, kinh tế Tây Âu ổn định và phát triển nhanh. Tây Âu trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. * Khoa học kĩ thuật Các nước Tây Âu có trình độ khoa học – kĩ thuật phát triển cao. <u>Nguyên nhân phát triển</u> – Đã áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật. – Vai trò của nhà nước trong việc quản lí, điều tiết nền kinh tế. – Đã tận dụng tốt các cơ hội bên ngoài như: viện trợ của Mỹ, sự hợp tác có hiệu quả trong Cộng đồng châu Âu. – Do tác động của cuộc khủng hoảng dầu mỏ, từ năm 1973 đến đầu thập kỉ 90, kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng không ổn định suy thoái kéo dài. Từ năm 1994, nền kinh tế bắt đầu phục hồi và phát triển. b. Từ 1973-2000 * 1973-1991 - Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng kinh tế Tây Âu suy thoái - Tây Âu gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt của Mỹ và Nhật Bản * 1991-2000 - 1994 kinh tế Tây Âu phục hồi và phát triển.

			- TÂY Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới - Giữa thập niên 90, GDP 15 nước thành viên EU đạt 7000 tỉ USD, chiếm 1/3 sản phẩm công nghiệp thế giới. 2. Chính trị - xã hội – Những năm đầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, ưu tiên hàng đầu của các nước Tây Âu là củng cố chính quyền của giai cấp tư sản; ổn định tình hình chính trị - xã hội; phục hồi nền kinh tế và liên minh chặt chẽ với Mỹ. – Giai đoạn 1950 – 1973: nét nổi bật của giai đoạn này là sự tiếp tục phát triển của nền dân chủ tư sản. Trong các giai đoạn sau, tình hình chính trị của các nước Tây Âu nhìn chung là ổn định. Tuy nhiên, tình hình có lúc, có nơi không ổn định (cuộc đấu tranh của 80 vạn sinh viên, công nhân, công chức Pháp tháng 5 – 1968...), tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng trầm trọng. 3. Chính sách đối ngoại a. Trong chiến tranh lạnh – Sau CTTGII các nước Tây Âu tiến hành tái chiếm thuộc địa. Tuy nhiên từ 1950-1973 các thuộc địa của Anh, Pháp, Hà Lan... đều giành được độc lập. – Nét nổi bật trong chính sách đối ngoại của Tây Âu là liên minh chặt chẽ với Mỹ: + Tham gia kế hoạch Macsan, + Gia nhập khối liên minh quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) nhằm chống lại Liên Xô và các nước XHCN, + Đứng về phía Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, ủng hộ Israen trong cuộc chiến tranh Trung Đông. – Tuy nhiên quan hệ giữa Mỹ và Tây Âu cũng diễn ra những bất đồng nhất là quan hệ Mĩ-Pháp – Bên cạnh việc liên minh với Mỹ, một số nước đa dạng hoá, đa phương hoá hoạt động đối ngoại để khẳng định ý thức độc lập của mình (Pháp, Thụy Điển, Phần Lan..) – Tháng 8.1975, 33 nước châu Âu cùng Mỹ, Canada kí kết định ước henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu tạo nên cơ chế giải quyết các xung đột ở châu Âu. Tình hình căng thẳng ở châu Âu giảm rõ rệt. – Cuối thập niên 80: bức tường Béc-lin bị phá bỏ (11.1989), Liên Xô-Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh (12.1989), nước Đức tái thống nhất (10.1990). Tình trạng đối đầu chấm dứt b. Sau chiến tranh lạnh Tây Âu có sự điều chỉnh quan trọng: mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh, Đông Âu ...
--	--	--	---

			4.Liên minh châu Âu (EU) a.Quá trình thành lập và phát triển - 4-1951: sáu nước Tây Âu (Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lucxămbua) thành lập Cộng đồng than- thép Châu Âu. - 3-1957: thành lập Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và Cộng đồng kinh tế châu Âu. - 1967:hợp nhất ba tổ chức trên thành Cộng đồng châu Âu (EC). - 12-1991: hiệp ước Maxtrích đổi tên EC thành Liên minh châu Âu (EU) với 15 thành viên. - Đến năm 2007 EU có 27 thành viên b Mục đích Nhằm tăng cường liên minh hợp tác giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ, chính trị đối ngoại và an ninh chung . c. Cơ cấu tổ chức Gồm 5 cơ quan chính: Hội đồng châu Âu, Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban châu Âu, Quốc hội châu Âu, Tòa án châu Âu và một số ủy ban chuyên môn khác. d. Hoạt động - Tháng 6-1979 bầu cử nghị viện đầu tiên ở châu Âu - Tháng 3.1995 bảy nước liên minh châu Âu bỏ sự kiểm soát đi lại của công dân các nước qua biên giới của nhau. - 1.1999 đồng tiền chung châu Âu (EURO) được phát hành, tháng 1.2002 chính thức được sử dụng. - Cuối thập niên 90 EU chiếm hơn ¼ GDP của thế giới là tổ chức liên kết kinh tế-chính trị lớn nhất thế giới. 10-1990, quan hệ EU và Việt Nam được thiết lập.
	1	BÀI 8: NHẬT BẢN	1. Nhật Bản từ 1945 – 1952 a. Hoàn cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai để lại cho Nhật những hậu quả nặng nề: Khoảng 3 triệu người chết và mất tích. 40% đô thị, 80% tàu bè, 34% máy móc bị phá hủy; lãnh thổ bị quân Mỹ chiếm đóng b. Cuộc cải cách dân chủ 1945-1952 : Trong thời gian chiếm đóng, Bộ chỉ huy tối cao Đồng minh tiến hành cải cách

			* Về chính trị: - Xoá bỏ chủ nghĩa quân phiệt, xét xử tội phạm chiến tranh. - Hiến Pháp mới được công bố 1947 qui định Thiên Hoàng chỉ là tượng trưng,. Quốc hội có quyền lập pháp, chính phủ có quyền hành pháp. - Nhật Bản cam kết từ bỏ chiến tranh, không duy trì quân đội thường trực. * Về kinh tế: thực hiện 3 cuộc cải cách dân chủ:- Thủ chiêu chế độ tập trung kinh tế - Cải cách ruộng đất - Dân chủ hoá lao động . Ngày 8/8/1951, Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật được kí . Chế độ chiếm đóng của quân đồng minh chấm dứt. Đến 1952 kinh tế Nhật phục hồi 2. Kinh tế khoa học kĩ thuật <u>a. kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản 1952-1973</u> – Từ một nước bại trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật đã tập trung sức phát triển kinh tế và đã đạt được những thành tựu to lớn được thế giới đánh giá là thần kì. – Từ 1952 đến năm 1973, kinh tế Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng cao liên tục, nhiều năm đạt tới hai con số (1960 - 1969 là 10,8%) – Đến năm 1968, kinh tế Nhật đứng thứ 2 thế giới sau Mỹ, trở thành một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới. – Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật với việc tập trung vào lĩnh vực sản xuất dân dụng như các hàng hóa tiêu dùng nổi tiếng (tì vi, tủ lạnh, ô tô), các tàu chở dầu trọng tải lớn (1 triệu tấn), cầu đường bộ dài 9,4 km nối hai đảo Hôn-su và Sicô-cu... ❖ <u>Nguyên nhân</u> – Con người được xem là vốn quý nhất, là nhân tố quyết định hàng đầu. – Vai trò lãnh đạo, quản lí có hiệu quả của nhà nước. – các công ty Nhật Bản năng động, có tầm nhìn xa, quản lý tốt nên có tiềm lực và sức cạnh tranh cao – Biết áp dụng các thành tựu khoa học – kĩ thuật hiện đại để nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. – Chi phí quốc phòng thấp nên có điều kiện tập trung vốn đầu tư cho kinh tế. – Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài để phát triển như: viện trợ của Mỹ, các cuộc chiến tranh ở Triều Tiên, Việt Nam để làm giàu. ❖ <u>Hạn chế của nền kinh tế Nhật</u> – Cơ cấu kinh tế mất cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp
--	--	--	---

- Khó khăn về nguyên liệu phải nhập khẩu
- Chịu sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Tây Âu.

b. Kinh tế khoa học kĩ thuật Nhật Bản từ 1973 -2000

*** 1973- 1991**

- Do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng kinh tế Nhật suy thoái. Tuy nhiên kinh Nhật vẫn đứng thứ hai trong thế giới tư bản (sau Mỹ)
- Từ nửa sau những năm 80, Nhật trở thành siêu cường tài chính số một thế giới , là chủ nợ lớn nhất thế giới

*** 1991 – 2000**

- Thập niên 90 Nhật vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới
- GDP của Nhật năm 2000 là 4746 tỉ USD, chiếm 1/10 trong nền sản xuất thế giới.
- Khoa học kĩ thuật phát triển cao, đến 1992 Nhật đã phóng 49 vệ tinh và hợp tác có hiệu quả với Mỹ, Nga trong các chương trình vũ trụ quốc tế.

2. Chính trị xã hội

Trong nền chính trị nước Nhật từ năm 1955 đến 1993, đảng Dân chủ Tự do liên tục cầm quyền dẫn dắt sự phát triển của đất nước. Từ sau năm 1993, tình hình chính trị Nhật Bản có lúc không ổn định, nội các luôn thay đổi.

3. Chính sách đối ngoại

a. Trong chiến tranh lạnh

*** 1947- 1952**

- Nhật chủ trương liên minh chặt chẽ với Mỹ bằng việc kí hai hiệp ước: *Hiệp ước hòa bình Xan Phranxixcô và Hiệp ước an ninh Mỹ - Nhật* (9 – 1951).
- Theo các H. Ư đó Nhật chấp nhận đứng dưới chiếc ô bảo hộ hạt nhân của Mỹ , để cho Mỹ đóng quân và xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật

*** 1952-1973**

- Nhật tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ . Hiệp ước an ninh Mỹ – Nhật được kéo dài vĩnh viễn.
- 1956 Nhật bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc

*** 1973-1989**

- Với tiềm lực kinh tế tài chính ngày càng lớn mạnh, Nhật đưa ra chính sách đối ngoại mới: tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội với các nước ĐNÁ và tổ chức ASEAN(học thuyết Phucưđa (1977), Kaiphu (1991))

			- Nhật thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam 9.1973 b. Sau chiến tranh lạnh – Nhật Bản chú trọng quan hệ với Tây Âu, đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại trên phạm vi toàn cầu (học thuyết Miyadaoa, Hasimôtô) – Ngày nay, Nhật Bản cố gắng trở thành một cường quốc chính trị để tương xứng với sức mạnh kinh tế (như đề nghị mở rộng số thành viên để trở thành ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc...)
7(từ 18/10-23/10)	1	BÀI 10: CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA NỬA SAU THẾ KỈ XX	<u>I. Cách mạng khoa học công nghệ</u> <u>1.Nguồn gốc và đặc điểm</u> a. <u>Nguồn gốc</u> – Do yêu cầu của cuộc sống, của sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người. – Do sự bùng nổ về dân số, tài nguyên thiên nhiên đang cạn dần... b. <u>Đặc điểm</u> – Khoa học – kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học gắn liền với kĩ thuật, khoa học đi trước mở đường cho kĩ thuật, kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất. Khoa học trở thành nguồn gốc chính của những tiến bộ kĩ thuật và công nghệ. <u>c. Tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ</u> * Tác động tích cực – Tăng năng suất lao động, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của con người. – Thay đổi cơ cấu dân cư, chất lượng nguồn nhân lực, những đòi hỏi mới về giáo dục và đào tạo nghề nghiệp, sự hình thành một thị trường thế giới với xu thế toàn cầu. * Tác động tiêu cực – Vũ khí hủy diệt (bom nguyên tử, bom hóa học); nạn ô nhiễm môi trường trên trái đất cũng như trong vũ trụ; tai nạn, dịch bệnh, sự cạn kiệt tài nguyên... d. Thành tựu tiêu biểu : * Khoa học cơ bản: – Những bước nhảy vọt chưa từng thấy trong các ngành Toán học, Vật lí học, Hóa học, Sinh học (sinh sản vô tính cừu Đô-li tháng 3 - 1997); tháng 4 - 2003, “bản đồ gen người” được giải mã hoàn chỉnh) * Khoa học công nghệ:

			– Những công cụ sản xuất mới (Máy vi tính, người máy, máy tự động, rô-bốt...) – Những nguồn năng lượng mới (năng lượng nguyên tử, mặt trời, gió...). – Những vật liệu mới: chất pôlime (chất dẻo), các loại vật liệu siêu sạch, siêu bền, siêu dẫn... – Công nghệ sinh học: (công nghệ di truyền, công nghệ tế bào). – Công nghệ thông tin với sự hình thành mạng thông tin máy tính toàn cầu. – Giao thông vận tải và thông tin liên lạc (cáp sợi thủy tinh, máy bay siêu âm khổng lồ) – ,chính phục vũ trụ (vệ tinh nhân tạo, du hành vũ trụ) II. Xu thế toàn cầu hóa – Từ những năm 80 của thế kỉ XX, trên thế giới diễn ra xu thế toàn cầu hóa – Là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. – Là hệ quả quan trọng của cách mạng khoa học- công nghệ từ những năm 80 thế kỉ XX. * Biểu hiện – Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế. – Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia. – Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn. – Sự ra đời các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực. * Tác động của xu thế toàn cầu hóa Tích cực Thúc đẩy nhanh việc phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Tiêu cực Làm trầm trọng thêm bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo, tạo nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc và độc lập tự chủ của các quốc gia. Toàn cầu hóa vừa là thời cơ vừa thách thức đối với các nước đang phát triển

BÀI 11: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ 1945- 2000

Những nội dung chủ yếu của lịch sử thế giới từ sau 1945

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, *trật tự hai cực Ianta* hình thành, do Liên Xô và Mĩ đứng đầu mỗi cực.

– Với thắng lợi của cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở các nước Đông Âu và ở Châu Á, *chủ nghĩa xã hội từ phạm vi một nước trở thành hệ thống thế giới*. Trong nhiều thập niên, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng hùng hậu về chính trị - quân sự và kinh tế, chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao của khoa học – kỹ thuật thế giới.

– Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, một *cao trào giải phóng dân tộc* dâng lên mạnh mẽ ở châu Á, Phi, Mĩ Latinh. Kết quả là hệ thống thuộc địa và chế độ phân biệt chủng tộc đã bị sụp đổ hoàn toàn, hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị kinh tế thế giới.

– Trong nửa sau thế kỉ XX, *Hệ thống đế quốc chủ nghĩa đã có những biến chuyển quan trọng*:

– Mĩ vươn lên thành nước tư bản giàu mạnh nhất và ráo riết theo đuổi mưu đồ thống trị thế giới.

– Nhờ có sự tự điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản đã tăng trưởng khá liên tục, đưa lại những thay đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng phát triển.

– Do nhiều nguyên nhân các nước tư bản có xu hướng liên kết kinh tế khu vực như Liên minh châu Âu (EU). Mĩ, Liên minh châu Âu và Nhật Bản trở thành ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới.

– Trong nửa sau thế kỉ XX, *các quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng ...nét nổi bật* trong quan hệ quốc tế từ sau năm 1945 là Chiến tranh lạnh kéo dài hơn 4 thập niên..., rồi chấm dứt, thế giới chuyển dần sang xu thế hòa dịu, đối thoại, hợp tác.

– Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, *Cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật diễn ra với qui mô, nội dung, nhịp điệu chưa từng thấy*. cùng những hệ quả vô cùng to lớn. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đã đặt ra trước các quốc gia – dân tộc nhiều vấn đề lớn như việc đào tạo con người cho nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo vệ môi trường sinh thái, sự cân bằng hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội...

Xu thế phát triển của thế giới ngày nay

– Một là, *các nước ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lấy kinh tế làm trọng điểm*. và coi đó là nhân tố quyết định đối với tiền đồ đất nước trong thế kỉ XXI.

– Hai là, các nước lớn đã điều chỉnh các quan hệ đối với nhau chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp, nhằm tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi giúp các nước vươn lên xác lập vị trí ưu thế trong trật tự thế giới mới.

			– Ba là, tuy hòa bình và ổn định là xu thế chủ đạo sau Chiến tranh lạnh. Nhưng ở nhiều khu vực <i>vẫn diễn ra nội chiến và xung đột</i>, sự ổn định các quốc gia bị đe dọa bởi nguy cơ li khai, khủng bố. – Từ thập kỉ 80 thế kỉ XX, thế giới đã diễn ra ngày càng mạnh mẽ xu thế toàn cầu hóa. Đó là xu thế khách quan, tạo nên thời cơ thuận lợi và cả những thách thức gay gắt, nhất là các nước đang phát triển.
--	--	--	--